**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH**
**TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2019/HNGD-ST
Ngày 23 tháng 10 năm 2019
Về việc: Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Minh Toản
*Các Hội thẩm nhân dân:*
1.Ông: Nguyễn Văn Gia;
2.Bà: Hoàng Thị Kim Liên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa:*** Bà Bùi Thị Bích Thảo - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Đặng Thị H, sinh ngày: 15/11/1996;
Nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

***- Bị đơn:*** Anh Dương Tuấn T, sinh ngày: 04/5/1990;
Nơi cư trú: Xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Chị H có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/5/2019, bản tự khai, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Đặng Thị H trình bày:

Chị và anh Dương Tuấn T kết hôn ngày 30 tháng 10 năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi cưới vợ chồng chị chung sống cùng với gia đình anh T tại xóm N, xã X. Cuộc sống chung vợ, chồng hòa thuận hạnh phúc cho đến khoảng tháng 5 năm 2018 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân chính do, vợ chồng bất

đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn hay đánh chửi chị. Do cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc nên từ ngày 08 tháng 10 năm 2018 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở (Thôn C, xã T, huyện T), vợ, chồng sống ly thân nhau từ cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T theo quy định pháp luật.

Về con chung: Vợ, chồng có hai con chung là cháu Dương Thị L, sinh ngày 26/5/2015 và Dương Thanh T, sinh ngày 04/6/2017. Hiện cháu L đang sinh sống cùng anh T và ông bà nội; cháu T đang sinh sống ổn định cùng chị, khi ly hôn chị có nguyện vọng muốn được trực tiếp nuôi cháu T và đồng ý giao cháu L cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn anh Dương Tuấn T: Quá trình giải quyết vụ án anh T không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 05/9/2019 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng (thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) theo quy định pháp luật.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và nơi cư trú của anh T xác định: Anh T hiện có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xóm N, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị H, anh T sống chung cùng bố, mẹ anh T là ông Dương Tuấn H và bà Nguyễn Thị D, vợ chồng chung sống với nhau thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ cuối năm 2018 cho đến nay. Anh T đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh T không đến Tòa án để giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến gì. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được nên vụ án phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Đối với nguyên đơn tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại điều 70,71 của BLTTDS. Về phía bị đơn đã không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 của BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: Căn cứ  vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14; đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị Đặng Thị H và cho chị H được ly hôn anh Dương Tuấn T.

- Về con chung: Đề nghị giao con chung là cháu Dương Thị L, sinh ngày 26/5/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu Dương Thanh T, sinh ngày 04/6/2017 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh T và chị H.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Chị H phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình về việc ly hôn, bị đơn anh Dương Tuấn T có nơi cư trú tại: Xóm Ngoài, xã X, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T theo quy định của BLTTDS, nhưng tại phiên tòa anh T vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt anh Dương Tuấn T theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị Đặng Thị H và anh Dương Tuấn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân chị H xin ly hôn anh T là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn, sống thiếu trách nhiệm với gia đình và vợ con. Do mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ, chồng đã sống ly thân nhau, không quan T và liên lạc với nhau nữa từ tháng 10 năm 2018 đến nay. Như vậy, có căn cứ xác định đời sống chung giữa chị H và anh T đã ở tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân giữa chị H và anh T không đạt được, trên thực tế cuộc sống chung vợ chồng không tồn tại nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị H được ly hôn anh T là phù hợp và đúng quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị H và anh T có 02 con chung là Dương Thị L, sinh ngày 26/5/2015 và Dương Thanh T, sinh ngày 04/7/2017. Xét điều kiện thực tế hiện nay cháu L đang sinh sống ổn định cùng anh T và ông bà nội của cháu, cháu T còn quá nhỏ, hiện đang sinh sống ổn định cùng chị H. Do vậy, không nên làm ảnh hưởng đến cuộc sống ổn định hiện nay của các cháu. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục; giao cháu L cho anh

T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, cho đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa chị H chưa yêu cầu nên tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các đương sự cho đến khi các đương sự có yêu cầu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị H xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, công nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Nếu sau này chị H và anh T có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện để giải quyết bằng một vụ án khác theo thủ tục tố tụng dân sự.

Xét đề nghị của Đại diện VKS về việc giải quyết vụ án là có căn cứ phù hợp các quy định pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Đặng Thị H phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

**Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu kiện xin ly hôn của Chị Đặng Thị H, cho chị H được ly hôn anh Dương Tuấn T.

2. Về con chung: Giao cho Chị Đặng Thị H có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thanh T, sinh ngày 04/6/2017; giao cho anh Dương Tuấn T có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Dương Thị L, sinh ngày 26/5/2015 cho đến khi các cháu trưởng thành (Đủ 18 tuổi tròn) và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

- Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T và chị H cho đến khi có yêu cầu khác. Chị H và anh T được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000840 ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị H đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị H báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án này được niêm yết theo quy định pháp luật.

***Nơi nhận:***
- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã X, huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Minh Toản**